

Số: 136/2025/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 13 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc sở Xây dựng tại Tờ trình số 78/TTr-SXD ngày 30 tháng 9 năm 2025, Báo cáo số 235/BC-SXD ngày 09 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 10 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 69/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

b) Quyết định số 86/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

c) Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quy định phân cấp, phân công quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

3. Bãi bỏ Điều 1, Điều 2 Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy định ban hành kèm theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình xây dựng; quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Viết*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KT1 *Viết*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Văn Hoàn

QUY ĐỊNH

Phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 136/2025/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, bao gồm: Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; cấp giấy phép xây dựng; quản lý trật tự xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối với dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo Quy định này, pháp luật về quản lý sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và các quy định của pháp luật liên quan khác.

Chương II

QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Mục 1

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG; THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

Điều 3. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh (gồm: Sở Xây dựng, sở Nông nghiệp và Môi trường, sở Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp) theo chuyên ngành quy định tại khoản 2 Điều này thẩm định đối với các dự án quy định tại khoản 2 Điều 16

Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; trừ dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn đầu tư công, dự án PPP do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm e khoản 4 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và dự án quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thuộc chuyên ngành theo quy định tại khoản 6 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, cụ thể:

a) Sở Xây dựng thẩm định đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án, công trình quy định tại điểm d, điểm đ khoản này);

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

c) Sở Công Thương thẩm định đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình quy định tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản này);

d) Ban Quản lý các khu công nghiệp đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại các khu công nghiệp thuộc phạm vi theo chức năng nhiệm vụ được giao;

đ) Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp thẩm định đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại các khu công nghiệp thuộc phạm vi theo chức năng nhiệm vụ được giao; các dự án, công trình được đầu tư ngoài khu công nghiệp trong khu kinh tế do Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tiếp nhận hoặc giải quyết thủ tục đầu tư (bao gồm cả các dự án thứ cấp trong khu kinh tế không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định), trừ các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở.

3. Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi chung là Phòng được giao quản lý xây dựng cấp xã): Thẩm định đối với dự án nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

4. Đối với dự án gồm nhiều công trình với nhiều loại và cấp khác nhau, thẩm quyền thẩm định của Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh được xác định theo chuyên ngành quy định tại khoản 2 Điều này đối với công trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính.

Trường hợp các công trình chính có cùng một cấp, người đề nghị thẩm định được lựa chọn trình thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo một công trình chính của dự án. Cơ quan thực hiện thẩm định có trách nhiệm lấy ý

kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo chuyên ngành về các nội dung theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với các công trình chính còn lại trong quá trình thẩm định.

Điều 4. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư

Việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của dự án do Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư (trừ dự án PPP) được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư: Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư: Phòng được giao quản lý xây dựng cấp xã là cơ quan chủ trì thẩm định.

Điều 5. Trách nhiệm phối hợp, tham gia ý kiến trong quá trình thẩm định dự án, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Trong quá trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, cơ quan chủ trì thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng được quyền lấy ý kiến tham gia thẩm định của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phối hợp trả lời theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Thời hạn tham gia ý kiến không quá 07 ngày đối với dự án nhóm A, không quá 05 ngày đối với dự án nhóm B, nhóm C.

Điều 6. Phê duyệt, quyết định đầu tư xây dựng và điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

1. Việc phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

3. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chủ trì thẩm định thực hiện theo quy định tại các Điều 3, Điều 4 Quy định này.

Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi nhóm dự án, thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo thẩm quyền của nhóm dự án sau điều chỉnh.

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trong một số trường hợp

1. Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới theo quy định tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm,

sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác và dự án bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công:

a) Đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, chủ đầu tư tự quyết định về kế hoạch sửa chữa với các nội dung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên, chủ đầu tư phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cụ thể:

Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với dự án sử dụng nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; trừ dự án sửa chữa định kỳ đường bộ, đường thủy nội địa.

Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với dự án sửa chữa định kỳ đường bộ, đường thủy nội địa sử dụng nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định, phê duyệt đối với dự án sử dụng nguồn vốn do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này.

2. Dự án đầu tư xây dựng được hỗ trợ từ nguồn vốn quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh để tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án.

Điều 8. Thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh theo chuyên ngành quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các công trình thuộc dự án sau (trừ dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm e khoản 3 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và dự án quy định tại khoản 2 Điều này):

a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công.

b) Dự án PPP.

c) Dự án có quy mô nhóm B trở lên, dự án có công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

d) Dự án có công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Phòng được giao quản lý xây dựng cấp xã: Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các công trình thuộc dự án nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

3. Đối với dự án gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau, thẩm quyền thẩm định của Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh được xác định theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này đối với công trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính.

Trường hợp các công trình chính có cùng một cấp, người đề nghị thẩm định được lựa chọn trình thẩm định theo một công trình chính của dự án. Cơ quan thực hiện thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo chuyên ngành về các nội dung theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đối với các công trình chính còn lại trong quá trình thẩm định.

Điều 9. Điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, điều chỉnh dự toán xây dựng công trình

1. Việc điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Điều 49 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và điểm d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

3. Thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

Trường hợp điều chỉnh thiết kế xây dựng do điều chỉnh dự án làm thay đổi nhóm dự án, thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo thẩm quyền của nhóm dự án sau điều chỉnh.

Mục 2

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG

Điều 10. Công trình được miễn giấy phép xây dựng

Công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, điểm c khoản 1 Điều 56 Luật số 95/2025/QH15, điểm b khoản 1 Điều 57 Luật số 47/2024/QH15 và quy định tại Điều 65 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Điều 11. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi Giấy phép xây dựng

1. Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; trừ công trình quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, bao gồm: Công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, công trình thuộc dự án xây dựng trên địa bàn 02 xã trở lên.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp: Cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình trong các khu công nghiệp thuộc phạm vi theo chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình được đầu tư xây dựng tại các khu công nghiệp thuộc phạm vi theo chức năng nhiệm vụ được giao; công trình thuộc dự án được đầu tư ngoài khu công nghiệp trong khu kinh tế do Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tiếp nhận hoặc giải quyết thủ tục đầu tư (bao gồm cả các dự án thứ cấp trong khu kinh tế không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định), trừ các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã: Cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn do mình quản lý; trừ công trình quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng là cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi Giấy phép xây dựng do mình cấp.

6. Xác định thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng trong một số trường hợp:

a) Đối với dự án có nhiều công trình với loại và cấp công trình khác nhau thì thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng được xác định theo công trình có cấp cao nhất của dự án;

b) Khi điều chỉnh thiết kế xây dựng hoặc sửa chữa, cải tạo công trình làm thay đổi cấp của công trình thì thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng được xác định theo cấp của công trình sau điều chỉnh thiết kế hoặc công trình sửa chữa, cải tạo;

c) Đối với công trình được đầu tư xây dựng gắn vào công trình, bộ phận công trình khác, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng xác định theo cấp của công trình đề nghị cấp giấy phép xây dựng.

Điều 12. Quản lý trật tự xây dựng

1. Việc quản lý trật tự xây dựng, nội dung về quản lý trật tự xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm về quản lý trật tự xây dựng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ công trình bí mật nhà nước):

a) Ban Quản lý các khu công nghiệp quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình trong các khu công nghiệp thuộc phạm vi theo chức năng nhiệm vụ được giao;

b) Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình được đầu tư xây dựng tại các khu công nghiệp thuộc phạm vi theo chức năng nhiệm vụ được giao; công trình thuộc dự án được đầu tư ngoài khu công nghiệp trong khu kinh tế do Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tiếp nhận hoặc giải quyết thủ tục đầu tư (bao gồm cả các dự án thứ cấp trong khu kinh tế không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định), trừ các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý; trừ công trình quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời khi phát sinh vi phạm trên địa bàn; giám sát việc ngừng thi công, áp dụng các biện pháp cần thiết buộc dừng thi công theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; chỉ đạo, tổ chức thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng công trình:

Tổ chức quản lý đầu tư xây dựng, thi công xây dựng theo đúng nội dung giấy phép xây dựng và hồ sơ thiết kế được duyệt; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung giải quyết các công việc liên quan đến trật tự xây dựng, giấy phép xây dựng công trình khi có yêu cầu.

Trước khi khởi công xây dựng công trình ít nhất 03 ngày làm việc, chủ đầu tư phải gửi thông báo thời điểm khởi công xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến cơ quan có thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng theo phân cấp và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình xây dựng để phối hợp theo dõi, quản lý. Trường hợp công trình thuộc đối tượng miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 30 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 cần bổ sung thêm các tài liệu theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại khoản 8 Điều 46 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Chương III

QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù của địa phương thuộc chuyên ngành

quản lý. Tổ chức xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các định mức bảo trì, bảo dưỡng chưa có trong danh mục định mức được Bộ Xây dựng ban hành.

c) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù của địa phương thuộc chuyên ngành quản lý của các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành;

d) Tổ chức rà soát, cập nhật định kỳ 03 năm một lần kể từ ngày định mức đặc thù của địa phương được ban hành hoặc sớm hơn khi cần thiết;

đ) Tổ chức xác định và công bố các loại chỉ số giá xây dựng, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công và giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2023/TT-BXD và Thông tư số 01/2025/TT-BXD;

e) Tổng hợp, cung cấp các định mức dự toán đối với các công tác xây dựng đặc thù của địa phương; giá xây dựng công trình, giá vật liệu xây dựng, giá nhân công, giá máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn gửi về Bộ Xây dựng để cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu.

2. Các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (sở Nông nghiệp và Môi trường, sở Công Thương)

a) Tổ chức lập định mức xây dựng cho các công tác xây dựng đặc thù của địa phương theo chuyên ngành quản lý, gửi về sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành. Tổ chức xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức bảo trì, bảo dưỡng đối với các công trình chuyên ngành chưa có trong danh mục định mức được Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với các công trình thuộc chuyên ngành mình quản lý.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với sở Xây dựng xác định và công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh, phục vụ cho công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với các công trình trên địa bàn sử dụng nguồn vốn do mình quản lý.

2. Phối hợp với sở Xây dựng thực hiện việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Chương IV

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 15. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh. Sở Xây dựng, các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp xã giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng công trình theo chuyên ngành và trên địa bàn như sau:

1. Sở Xây dựng: Quản lý nhà nước về chất lượng các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp khác (trừ công trình quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này).

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quản lý nhà nước về chất lượng các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. Sở Công Thương: Quản lý nhà nước về chất lượng các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ công trình quy định tại khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều này).

4. Ban Quản lý các khu công nghiệp: Quản lý nhà nước về chất lượng các công trình được đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp thuộc phạm vi theo chức năng nhiệm vụ được giao.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp quản lý nhà nước về chất lượng các công trình được đầu tư xây dựng tại các khu công nghiệp thuộc phạm vi theo chức năng nhiệm vụ được giao; công trình thuộc dự án được đầu tư ngoài khu công nghiệp trong khu kinh tế do Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tiếp nhận hoặc giải quyết thủ tục đầu tư (bao gồm cả các dự án thứ cấp trong khu kinh tế không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định), trừ các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã: Quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn hành chính do mình quản lý (trừ công trình do các sở, Ban Quản lý các khu công nghiệp và Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp quản lý quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này).

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Sở Xây dựng chủ trì giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, thực hiện các việc sau:

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn triển khai, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

3. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 1 Điều 15 Quy định này.

4. Phối hợp với sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành.

5. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đối với công trình quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thuộc trách nhiệm quản lý theo quy định tại Điều 15 Quy định này; trừ công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng công trình chuyên ngành quy định tại điểm a, điểm c, điểm d khoản 2a Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và công trình theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 18 Quy định này.

6. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát các công trình xây dựng theo trách nhiệm quản lý quy định tại Điều 15 Quy định này thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình trên địa bàn; quy định lộ trình và yêu cầu chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình đối với các công trình theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

7. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận và cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình thuộc phạm vi được giao quản lý theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP.

8. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh công bố công trình xây dựng theo trách nhiệm quản lý quy định tại Điều 15 Quy định này hết thời hạn sử dụng trong danh mục trên trang thông tin điện tử của mình đối với công trình quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

9. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giải quyết sự cố công trình xây dựng, sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình thuộc phạm vi được giao quản lý theo quy định tại các Điều 45, Điều 46, Điều 48, Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn (trừ khoản 1 Điều 18 Quy định này).

10. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

11. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hằng năm và đột xuất; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

Điều 17. Trách nhiệm của sở Công Thương, sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp và Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp

1. Chủ trì, phối hợp với sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng theo chuyên ngành quản lý và trên địa bàn quy định tại Điều 15 Quy định này.

2. Thực hiện quy định tại các khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 11 Điều 16 Quy định này đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc phạm vi được giao quản lý.

3. Phối hợp với sở Xây dựng tổ chức giám định công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giải quyết sự cố công trình xây dựng, sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng đối với công trình xây dựng chuyên ngành; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành do sở, Ban quản lý định kỳ hằng năm và đột xuất.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Có trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn theo phân cấp; chỉ đạo, kiểm tra Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo phân cấp;

b) Chủ trì giải quyết đối với sự cố công trình xây dựng cấp II và cấp III, công trình nhà ở riêng lẻ trên địa bàn hành chính được giao quản lý.

2. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Hướng dẫn các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư và cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn quản lý.

c) Phối hợp với sở Xây dựng, sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác.

d) Phối hợp với sở Xây dựng, sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

đ) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đối với công trình quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

e) Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn hành chính quản lý theo khoản 1 Điều này, báo cáo sự cố theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

g) Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và sở Xây dựng định kỳ hàng năm, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 19. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ

1. Sở Xây dựng: Hướng dẫn, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng nhà ở riêng lẻ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã: Có trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng nhà ở riêng lẻ trên địa bàn mình quản lý; hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng nhà ở riêng lẻ trên địa bàn quản lý; xử lý những vi phạm, vướng mắc được phát hiện trong quá trình kiểm tra.

3. Chủ đầu tư, hộ gia đình: Chịu trách nhiệm quản lý nhà ở riêng lẻ về thiết kế, thi công, chất lượng, an toàn công trình theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai, hướng dẫn, giám sát và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai phổ biến Quy định này đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thuộc lĩnh vực và trên địa bàn quản lý.

Điều 21. Xử lý chuyển tiếp

Hồ sơ giải quyết các thủ tục về thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đã được các cơ quan

quản lý nhà nước tiếp nhận trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa giải quyết xong thì được tiếp tục giải quyết theo phân công, phân cấp của tỉnh Hưng Yên (cũ) và tỉnh Thái Bình (cũ) tại các Quyết định sau: Quyết định số 69/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 86/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình xây dựng; quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quy định phân cấp, phân công quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các quy định viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định đó.

2. Trường hợp Phòng được giao quản lý xây dựng cấp xã được phân cấp chưa đủ điều kiện để thực hiện nhiệm vụ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với dự án nhóm C có tổng mức đầu tư trên 45 tỷ và có công trình cấp III trở lên, khi nhận được đề nghị của chủ đầu tư, Phòng được giao quản lý xây dựng cấp xã có văn bản đề nghị và hướng dẫn chủ đầu tư gửi hồ sơ tới cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh theo chuyên ngành quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này để thực hiện thẩm định.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.